

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN SẢN - NHI SÓC TRĂNG, NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Thông báo số: 57/TB-HD TDVC ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
I	Nhóm chức danh nghề nghiệp bác sĩ hạng III (V.08.01.03)					64								
	Khoa Cấp cứu tổng hợp													
	Bác sĩ (hạng III) (Nhi khoa)													
1	Lý Thị Mỹ Ngọc	Nữ	08/10/1992	Bác sĩ (hạng III) (Nhi khoa)	Khoa Cấp cứu tổng hợp	3	Đại học	Bác sĩ y đa khoa	Dân tộc thiểu số	5	96,5	101,5	Trúng tuyển	
2	Đinh Thị Yến Trang	Nữ	06/11/2000	Bác sĩ (hạng III) (Nhi khoa)	Khoa Cấp cứu tổng hợp		Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	85	90	Trúng tuyển	
3	Huỳnh Hòa Nhã	Nam	05/02/1999	Bác sĩ (hạng III) (Nhi khoa)	Khoa Cấp cứu tổng hợp		Đại học	Bác sĩ y khoa			82	82	Trúng tuyển	
	Bác sĩ (hạng III) (Sân phụ khoa)													
1	Ngô Hoàng Quyên	Nữ	14/01/1996	Bác sĩ (hạng III) (Sân phụ khoa)	Khoa Cấp cứu tổng hợp	3	Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	91,5	96,5	Trúng tuyển	
2	Trần Châu Tín	Nam	05/04/1995	Bác sĩ (hạng III) (Sân phụ khoa)	Khoa Cấp cứu tổng hợp		BSCK1	Sân phụ khoa	Dân tộc thiểu số	5	90,5	95,5	Trúng tuyển	
3	Trương Ngọc Chăm	Nữ	14/05/1993	Bác sĩ (hạng III) (Sân phụ khoa)	Khoa Cấp cứu tổng hợp		Đại học	Bác sĩ y đa khoa			92	92	Trúng tuyển	
	Khoa Chẩn đoán hình ảnh													
1	Trần Thị Như Ngọc	Nữ	09/06/1999	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	Đại học	Bác sĩ y khoa			79	79	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Diệp Thị Ngọc Thảo	Nữ	12/09/1999	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	87	92	Trúng tuyển	
3	Trương Anh Thu	Nữ	01/06/1997	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		Đại học	Bác sĩ y khoa			74,5	74,5	Trúng tuyển	
	Khoa Dinh dưỡng													
	Bác sĩ (hạng III)													
1	Đỗ Phước Đạt	Nam	25/06/1995	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Dinh dưỡng	1	Đại học	Bác sĩ y đa khoa			91,5	91,5	Trúng tuyển	
	Khoa Gây mê hồi sức													

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đổi tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Nguyễn Văn Tâm	Nam	20/01/1997	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Gây mê hồi sức	2	Đại học	Bác sĩ y khoa			78,5	78,5	Trúng tuyển	
2	Đinh Hiền Tính	Nam	09/10/2000	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Gây mê hồi sức		Đại học	Bác sĩ y khoa			75	75	Trúng tuyển	
	Khoa Hậu phẫu - Hậu sản													
1	Danh Thị Kim Huyền	Nữ	03/02/1989	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hậu phẫu - Hậu sản	2	Đại học	Bác sĩ y đa khoa	Dân tộc thiểu số	5	58,5	63,5	Trúng tuyển	
	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi													
1	Trần Lượng	Nam	20/02/1999	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi	10	Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	95	100	Trúng tuyển	
2	Mai Huỳnh Đức Lương	Nam	16/04/1998	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	94,5	99,5	Trúng tuyển	
3	Trần Thị Kiều Linh	Nữ	10/01/1997	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	93,5	98,5	Trúng tuyển	
4	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	08/08/1994	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa			97,5	97,5	Trúng tuyển	
5	Lâm Phước Nguyên	Nam	01/09/2000	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa			97	97	Trúng tuyển	
6	Nguyễn Ngọc Hải	Nam	19/01/1999	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa			96	96	Trúng tuyển	
7	Trần Tiến Dũng	Nam	24/09/2000	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa			94,5	94,5	Trúng tuyển	
8	Danh Sang	Nam	12/02/1992	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	87	92	Trúng tuyển	
9	Hứa Yến Vy	Nữ	16/11/1999	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa			87,5	87,5	Trúng tuyển	
10	Nguyễn Văn Cầm	Nam	17/10/1995	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa			81,5	81,5	Trúng tuyển	
	Khoa Khám bệnh													
	Bác sĩ (hạng III) (Sân phụ khoa)													
1	Lý Thợt	Nam	31/07/1996	Bác sĩ (hạng III) (Sân phụ khoa)	Khoa Khám bệnh	1	Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	73,5	78,5	Trúng tuyển	
	Bác sĩ (hạng III) (Da liễu)													

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Chung Mỹ Khang	Nữ	10/02/2000	Bác sĩ (hạng III) (Da liễu)	Khoa Khám bệnh	1	Đại học	Bác sĩ y khoa			93,5	93,5	Trúng tuyển	
	Bác sĩ (hạng III) (Y học cổ truyền hoặc Phục hồi chức năng)													
1	Lý Thị Mai Thanh	Nữ	10/07/1998	Bác sĩ (hạng III) (Y học cổ truyền hoặc Phục hồi chức năng)	Khoa Khám bệnh	2	Đại học	Bác sĩ y học cổ truyền	Dân tộc thiểu số	5	38	43	Không trúng tuyển	
	Khoa Liên chuyên khoa													
	Bác sĩ (hạng III) (Răng hàm mặt)													
1	Huỳnh Chí Nguyên	Nam	27/09/1996	Bác sĩ (hạng III) (Răng hàm mặt)	Khoa Liên chuyên khoa	1	Đại học	Bác sĩ răng hàm mặt	Dân tộc thiểu số	5	65	70	Trúng tuyển	
	Bác sĩ (hạng III) (Tai mũi họng)													
1	Tô Thị Bích Như	Nữ	26/02/1996	Bác sĩ (hạng III) (Tai mũi họng)	Khoa Liên chuyên khoa	1	Đại học	Bác sĩ y đa khoa			85	85	Trúng tuyển	
	Bác sĩ (hạng III) (Mắt)					1								
	Khoa Ngoại Nhi													
1	Cao Ngọc Thúy Vy	Nữ	08/09/2000	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Nhi	5	Đại học	Bác sĩ y đa khoa	Dân tộc thiểu số	5	95,5	100,5	Trúng tuyển	
2	Chiêm Hoàng Huy	Nam	02/06/1998	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	92	97	Trúng tuyển	
3	Nguyễn Hồng An	Nam	17/07/1998	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Nhi		Đại học	Bác sĩ y đa khoa			96	96	Trúng tuyển	
4	Dương Hoàng Huy	Nam	10/07/2000	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa			90,5	90,5	Trúng tuyển	
5	Nguyễn Kỳ Đoan Trang	Nữ	19/09/1999	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa			89	89	Trúng tuyển	
6	Tiêu Khoa Minh	Nam	25/07/1996	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	45,5	50,5	Không trúng tuyển	
	Khoa Nhi tổng hợp													
	Bác sĩ (hạng III)													
1	Trần Thị Diễm Hằng	Nữ	10/10/1998	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhi tổng hợp		Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	97	102	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2	Tiết Huỳnh Kim Phụng	Nữ	14/04/1993	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhi tổng hợp	10	Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	96,5	101,5	Trúng tuyển	
3	Lâm Thị Hồng Hương	Nữ	02/03/1999	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhi tổng hợp		Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	94,5	99,5	Trúng tuyển	
4	Liêu Mỹ Ngân	Nữ	24/08/1990	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhi tổng hợp		Đại học	Bác sĩ y đa khoa	Dân tộc thiểu số	5	93	98	Trúng tuyển	
5	Võ Nhất Lâm	Nam	10/09/1999	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhi tổng hợp		Đại học	Bác sĩ y khoa			95,5	95,5	Trúng tuyển	
6	Nguyễn Nhựt Khánh	Nam	13/06/1998	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhi tổng hợp		Đại học	Bác sĩ y đa khoa			93,5	93,5	Trúng tuyển	
7	La Lê Trân	Nữ	19/10/1999	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhi tổng hợp		Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	87	92	Trúng tuyển	
8	Châu Đại Vũ	Nam	23/04/1998	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhi tổng hợp		Đại học	Bác sĩ y khoa			90,5	90,5	Trúng tuyển	
9	Võ Hoàng Bửu	Nam	05/12/1998	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhi tổng hợp		Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	75	80	Trúng tuyển	
	Khoa Nhiễm Nhi													
1	Quách Hỷ Vinh	Nam	13/09/1999	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhiễm Nhi	5	Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	91,5	96,5	Trúng tuyển	
2	Lý Thị Kim Nguyệt	Nữ	15/04/1994	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhiễm Nhi		Đại học	Bác sĩ y đa khoa	Dân tộc thiểu số	5	90	95	Trúng tuyển	
3	Đỗ Thị Huyền	Nữ	01/01/1993	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhiễm Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa			92	92	Trúng tuyển	
4	Nguyễn Thị Thúy Diễm	Nữ	03/06/1999	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhiễm Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa			91,5	91,5	Trúng tuyển	
5	Nguyễn Minh Tiến	Nam	02/11/1994	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhiễm Nhi		Đại học	Bác sĩ y đa khoa			90,5	90,5	Trúng tuyển	
	Khoa Phụ													
1	Lê Thị Trường An	Nữ	14/06/2000	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Phụ		Đại học	Bác sĩ y khoa			97,25	97,25	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Vô Ngọc Thanh	Nữ	12/02/1997	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Phụ		Đại học	Bác sĩ y khoa			92	92	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
3	Đinh Ngọc Lan Vy	Nữ	18/02/2000	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Phụ	3	Đại học	Bác sĩ y khoa			81,5	81,5	Trúng tuyển	
4	Nguyễn Anh Thư	Nữ	20/06/1996	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Phụ		Đại học	Bác sĩ y khoa			64,5	64,5	Không trúng tuyển	
	Khoa Sanh													
1	Triệu Thị Sal Sal	Nữ	08/10/1995	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Sanh	5	Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	87,5	92,5	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Trần Hữu Hạnh	Nam	14/01/1995	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Sanh		BSCK1	Sản phụ khoa			91	91	Trúng tuyển	
3	Nguyễn Thị Kim Cương	Nữ	09/10/1995	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Sanh		Đại học	Bác sĩ y khoa			86	86	Trúng tuyển	
4	Huỳnh Thị Hồng Y	Nữ	30/04/1999	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Sanh		Đại học	Bác sĩ y khoa			85,5	85,5	Trúng tuyển	
5	Vương Nguyệt Anh	Nữ	22/09/1999	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Sanh		Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	78,5	83,5	Trúng tuyển	
	Khoa Sơ sinh													
1	Phạm Minh Phương Dung	Nữ	16/08/1999	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Sơ sinh	4	Đại học	Bác sĩ y khoa			95	95	Trúng tuyển	
2	Huỳnh Cường Thịnh	Nam	09/01/1993	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Sơ sinh		Đại học	Bác sĩ y khoa			94	94	Trúng tuyển	
3	Nguyễn Hữu Hòa	Nam	07/12/1997	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Sơ sinh		Đại học	Bác sĩ y khoa			93	93	Trúng tuyển	
4	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	10/08/1994	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Sơ sinh		Đại học	Bác sĩ y khoa			90,5	90,5	Trúng tuyển	
	Phòng kế hoạch tổng hợp - Đào tạo - Chỉ đạo tuyển													
1	Phan Phương Thanh	Nữ	26/04/1993	Bác sĩ (hạng III)	Phòng Kế hoạch tổng hợp - Đào tạo - Chỉ đạo tuyển	1	Đại học	Bác sĩ y khoa	Dân tộc thiểu số	5	77,75	82,75	Trúng tuyển	
II	Nhóm chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III (V.08.05.12)					32								

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	Khoa Cấp cứu tổng hợp													
1	Huỳnh Quốc Trọng	Nam	16/04/1994	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu tổng hợp	3	Đại học	Điều dưỡng			94	94	Trúng tuyển	
2	Lê Thị Thảo Nguyên	Nữ	02/10/1993	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu tổng hợp		Đại học	Điều dưỡng			90,25	90,25	Trúng tuyển	
3	Trần Nhật Phát	Nam	25/04/1996	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu tổng hợp		Đại học	Điều dưỡng			82,75	82,75	Trúng tuyển	
	Khoa Gây mê hồi sức													
1	Huỳnh Mỹ Phương	Nữ	05/04/2001	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	2	Đại học	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	90,5	95,5	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Bùi Yến Thu	Nữ	25/09/1995	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức		Đại học	Điều dưỡng			81,75	81,75	Trúng tuyển	
	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi													
1	Quách Thị Kim Cương	Nữ	09/01/1989	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi	7	Đại học	Điều dưỡng			97,5	97,5	Trúng tuyển	
2	Dương Văn Chèo	Nam	12/10/1990	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Điều dưỡng			95,75	95,75	Trúng tuyển	
3	Nguyễn Thị Xuân Trang	Nữ	22/02/1996	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Điều dưỡng			93,75	93,75	Trúng tuyển	
4	Đoàn Thanh Nguyên	Nam	21/08/1996	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Điều dưỡng			88,75	88,75	Trúng tuyển	
5	Lê Thúy An	Nữ	04/10/1997	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Điều dưỡng			87,25	87,25	Trúng tuyển	
6	Dương Thị Thanh Trúc	Nữ	25/11/1998	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Điều dưỡng			86,5	86,5	Trúng tuyển	
7	Nguyễn Văn Bé	Nam	26/03/1990	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Đại học	Điều dưỡng			71	71	Trúng tuyển	
	Khoa Khám bệnh													
1	Mai Thị Hoài Thu	Nữ	22/04/1997	Điều dưỡng hạng III	Khoa Khám bệnh	1	Đại học	Điều dưỡng			84,5	84,5	Trúng tuyển	
	Khoa Ngoại Nhi													

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Lê Thị Ngọc Diệp	Nữ	27/09/1996	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Nhi	3	Đại học	Điều dưỡng			80,5	80,5	Trúng tuyển	
2	Sơn Trần Thanh Thủy	Nữ	05/06/1999	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Nhi		Đại học	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	73	78	Trúng tuyển	
3	Lâm Minh Duy	Nam	11/05/1999	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Nhi		Đại học	Điều dưỡng			66,5	66,5	Trúng tuyển	
	Khoa Nhi tổng hợp													
1	Lý Thị Thu Xuân	Nữ	19/09/1996	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nhi tổng hợp	7	Đại học	Điều dưỡng			90,5	90,5	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Thị Diệu Tiên	Nữ	04/05/1990	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nhi tổng hợp		Đại học	Điều dưỡng			83	83	Trúng tuyển	
3	Phạm Thị Kiều Diễm	Nữ	12/06/1993	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nhi tổng hợp		Đại học	Điều dưỡng			81	81	Trúng tuyển	
4	Lý Thị Ngọc Hoàng	Nữ	27/10/1993	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nhi tổng hợp		Đại học	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	75,5	80,5	Trúng tuyển	
5	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	19/08/1993	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nhi tổng hợp		Đại học	Điều dưỡng			79	79	Trúng tuyển	
6	Mã Thị Sô Ký	Nữ	18/04/1994	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nhi tổng hợp		Đại học	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	72	77	Trúng tuyển	
7	Triệu Thị Mỹ Hiền	Nữ	10/05/1998	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nhi tổng hợp		Đại học	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	69,5	74,5	Trúng tuyển	
	Khoa Nhiễm nhi													
1	Danh Thị Mô Ra	Nữ	26/06/1985	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nhiễm Nhi	4	Đại học	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	93	98	Trúng tuyển	
2	Bùi Kim Trúc	Nữ	10/10/1988	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nhiễm Nhi		Đại học	Điều dưỡng			95	95	Trúng tuyển	
3	Nguyễn Thị Mỹ Thư	Nữ	25/08/1995	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nhiễm Nhi		Đại học	Điều dưỡng			93	93	Trúng tuyển	
4	Nguyễn Nghi Lâm	Nữ	16/01/2002	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nhiễm Nhi		Đại học	Điều dưỡng			85,5	85,5	Trúng tuyển	
	Khoa Sơ sinh													

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Trần Thị Ngọc Yến	Nữ	29/03/1993	Điều dưỡng hạng III	Khoa Sơ sinh	4	Đại học	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	92	97	Trúng tuyển	
2	Lý Thu Thảo	Nữ	30/01/1995	Điều dưỡng hạng III	Khoa Sơ sinh		Đại học	Điều dưỡng			86	86	Trúng tuyển	
3	Mã Thị Yến Như	Nữ	04/06/1996	Điều dưỡng hạng III	Khoa Sơ sinh		Đại học	Điều dưỡng			85,25	85,25	Trúng tuyển	
4	Võ Tuyết Sang	Nữ	29/10/1996	Điều dưỡng hạng III	Khoa Sơ sinh		Đại học	Điều dưỡng			84,5	84,5	Trúng tuyển	
	Phòng kế hoạch tổng hợp - Đào tạo - Chỉ đạo tuyển													
1	Lâm Thị Huyền Trân	Nữ	10/08/1993	Điều dưỡng hạng III	Phòng Kế hoạch tổng hợp - Đào tạo - Chỉ đạo tuyển	1	Đại học	Điều dưỡng			82	82	Trúng tuyển	
III	Nhóm chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)					43								
	Khoa Cấp cứu tổng hợp													
1	Nguyễn Hồng Hào	Nam	04/11/1995	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Cấp cứu tổng hợp	3	Cao đẳng	Điều dưỡng			86,75	86,75	Trúng tuyển	
2	Lý Thị Ngọc Diễm	Nữ	14/04/1995	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Cấp cứu tổng hợp		Cao đẳng	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	73,25	78,25	Trúng tuyển	
3	Huỳnh Duy Hậu	Nam	02/07/1994	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Cấp cứu tổng hợp		Cao đẳng	Điều dưỡng			77,5	77,5	Trúng tuyển	
	Khoa Chẩn đoán hình ảnh													
1	Nguyễn Thị Cẩm Ngân	Nữ	01/01/1996	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	2	Cao đẳng	Điều dưỡng			90,5	90,5	Trúng tuyển	
2	Lê Thị Ngọc Lý	Nữ	01/11/1997	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		Cao đẳng	Điều dưỡng			86	86	Trúng tuyển	
	Khoa Gây mê hồi sức													
1	Phan Thị Diễm	Nữ	30/12/1990	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức		Cao đẳng	Điều dưỡng			92,75	92,75	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Hoàng Đức	Nam	20/09/1992	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức		Cao đẳng	Điều dưỡng			91,5	91,5	Trúng tuyển	
3	Lý Hồng Dem	Nam	30/08/1990	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức		Cao đẳng	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	81,5	86,5	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
4	Nguyễn Văn Quang	Nam	12/06/1995	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	12	Cao đẳng	Điều dưỡng			84,5	84,5	Trúng tuyển	
5	Lý Ngọc Quý	Nam	06/04/1996	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức		Cao đẳng	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	73,5	78,5	Trúng tuyển	
6	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	09/10/2002	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức		Cao đẳng	Điều dưỡng			78,25	78,25	Trúng tuyển	
7	Nguyễn Minh Khôi	Nam	01/07/1994	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức		Cao đẳng	Điều dưỡng	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	74,5	77	Trúng tuyển	
8	Thạch Văn Khoa	Nam	20/01/1989	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức		Cao đẳng	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	71,5	76,5	Trúng tuyển	
9	Diệp Thị Thâu	Nữ	06/01/1995	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức		Cao đẳng	Điều dưỡng			76	76	Trúng tuyển	
10	Nguyễn Văn Nhí	Nam	13/08/1992	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức		Cao đẳng	Điều dưỡng			73,5	73,5	Trúng tuyển	
11	Dương Phước Sang	Nam	21/12/1996	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức		Cao đẳng	Điều dưỡng			73,5	73,5	Trúng tuyển	
12	Võ Nguyễn Khánh Linh	Nữ	07/11/2003	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức		Cao đẳng	Điều dưỡng			62,5	62,5	Trúng tuyển	
13	Thái Hoàng Hữu Cường	Nam	20/12/1996	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức		Cao đẳng	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	Vắng	Vắng	Không trúng tuyển	
	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi													
1	Bành Hải Lâm Trương	Nam	09/03/1989	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi	7	Cao đẳng	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	89,5	94,5	Trúng tuyển	
2	Trần Hữu Vinh	Nam	11/11/1991	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Cao đẳng	Điều dưỡng			90	90	Trúng tuyển	
3	Lâm Hoàng Du	Nữ	10/12/1995	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Cao đẳng	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	80	85	Trúng tuyển	
4	Lê Cẩm Ngân	Nữ	23/07/2003	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Cao đẳng	Điều dưỡng			84	84	Trúng tuyển	
5	Lê Văn Thứng	Nam	22/05/1992	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Cao đẳng	Điều dưỡng			84	84	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
6	Sơn Thị Thiện	Nữ	31/12/1997	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc Nhi		Cao đẳng	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	77,5	82,5	Trúng tuyển	
	Khoa Liên chuyên khoa													
1	Phan Thị Trường An	Nữ	31/08/2003	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Liên chuyên khoa	2	Cao đẳng	Điều dưỡng			94,5	94,5	Trúng tuyển	
2	Ngô Thanh Phong	Nam	02/03/1996	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Liên chuyên khoa		Cao đẳng	Điều dưỡng	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	83	85,5	Trúng tuyển	
	Khoa Ngoại Nhi													
1	Phạm Thị Kim Thùy	Nữ	25/12/1996	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Nhi	2	Cao đẳng	Điều dưỡng			89,5	89,5	Trúng tuyển	
2	Dư Thị Thoảng	Nữ	20/01/1993	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Nhi		Cao đẳng	Điều dưỡng			88,5	88,5	Trúng tuyển	
3	Liêu Mi Ni	Nam	08/05/1991	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Nhi		Cao đẳng	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	Vắng	Vắng	Không trúng tuyển	
	Khoa Nhi tổng hợp													
1	Tăng Thị Mộng Thơ	Nữ	05/09/1995	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nhi tổng hợp	9	Cao đẳng	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	88,5	93,5	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	06/12/2001	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nhi tổng hợp		Cao đẳng	Điều dưỡng			87	87	Trúng tuyển	
3	Trịnh Hoài Tâm	Nữ	20/10/2000	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nhi tổng hợp		Cao đẳng	Điều dưỡng			87	87	Trúng tuyển	
4	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	24/04/2000	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nhi tổng hợp		Cao đẳng	Điều dưỡng			86	86	Trúng tuyển	
5	Nguyễn Thị Như Nguyễn	Nữ	09/07/2000	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nhi tổng hợp		Cao đẳng	Điều dưỡng			85,25	85,25	Trúng tuyển	
6	Phan Thị Hồng Tươi	Nữ	17/04/1996	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nhi tổng hợp		Cao đẳng	Điều dưỡng			84,75	84,75	Trúng tuyển	
7	Ngô Thị Thanh Hương	Nữ	20/04/1994	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nhi tổng hợp		Cao đẳng	Điều dưỡng			84,5	84,5	Trúng tuyển	
8	Lê Thị Ngọc Trân	Nữ	13/04/2003	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nhi tổng hợp		Cao đẳng	Điều dưỡng			81	81	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
9	Lý Trần Ngọc Lợi	Nữ	08/11/1997	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nhi tổng hợp		Cao đẳng	Điều dưỡng			80	80	Trúng tuyển	
	Khoa Nhiễm nhi													
1	Lý Thị Kim Chi	Nữ	24/10/1993	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nhiễm Nhi	2	Cao đẳng	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	77,5	82,5	Trúng tuyển	
2	Trần Thị Cẩm Như	Nữ	06/04/1995	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nhiễm Nhi		Cao đẳng	Điều dưỡng			81,5	81,5	Trúng tuyển	
	Khoa Phụ													
1	Phạm Tiểu My	Nữ	30/04/1992	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ	1	Cao đẳng	Điều dưỡng			77,5	77,5	Trúng tuyển	
	Khoa Sơ sinh													
1	Trương Thị Bích Tính	Nữ	01/07/1991	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sơ sinh	3	Cao đẳng	Điều dưỡng			90,5	90,5	Trúng tuyển	
2	Trà Thị Tuyết Nga	Nữ	11/05/1991	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sơ sinh		Cao đẳng	Điều dưỡng	Dân tộc thiểu số	5	81,5	86,5	Trúng tuyển	
3	Nguyễn Thị Kim Tiền	Nữ	15/05/1997	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sơ sinh		Cao đẳng	Điều dưỡng			86,5	86,5	Trúng tuyển	
IV	Nhóm chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng III (V.08.06.15)					12								
	Khoa Gây mê hồi sức													
1	Trần Anh Trang	Nữ	20/10/1988	Hộ sinh hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	2	Đại học	Điều dưỡng (chuyên ngành Hộ sinh)			73	73	Trúng tuyển	
2	Dương Thị Ngọc Hoàng	Nữ	11/10/1985	Hộ sinh hạng III	Khoa Gây mê hồi sức		Đại học	Điều dưỡng (chuyên ngành Hộ sinh)	Dân tộc thiểu số	5	59,5	64,5	Trúng tuyển	
	Khoa Phụ													

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Trần Thúy Lan	Nữ	17/11/1991	Hộ sinh hạng III	Khoa Phụ	1	Đại học	Điều dưỡng (chuyên ngành Hộ sinh)	Dân tộc thiểu số	5	70	75	Trúng tuyển	
	Khoa Hậu phẫu - Hậu sản													
1	Cao Thị Huế Trân	Nữ	26/08/2002	Hộ sinh hạng III	Khoa Hậu phẫu - Hậu sản	5	Đại học	Hộ sinh			97	97	Trúng tuyển	
2	Trần Thị Tuyết Thu	Nữ	01/01/1994	Hộ sinh hạng III	Khoa Hậu phẫu - Hậu sản		Đại học	Điều dưỡng (chuyên ngành Hộ sinh)			96,5	96,5	Trúng tuyển	
3	Nguyễn Thị Anh Thu	Nữ	08/11/1996	Hộ sinh hạng III	Khoa Hậu phẫu - Hậu sản		Đại học	Điều dưỡng (chuyên ngành Hộ sinh)			91,5	91,5	Trúng tuyển	
4	Trịnh Mỹ Nhiên	Nữ	27/07/1989	Hộ sinh hạng III	Khoa Hậu phẫu - Hậu sản		Đại học	Điều dưỡng (chuyên ngành Hộ sinh)	Dân tộc thiểu số	5	78	83	Trúng tuyển	
5	Nhây Thúy Hằng	Nữ	09/05/1990	Hộ sinh hạng III	Khoa Hậu phẫu - Hậu sản		Đại học	Điều dưỡng (chuyên ngành Hộ sinh)	Dân tộc thiểu số	5	63	68	Trúng tuyển	
	Khoa Sanh													
1	Nguyễn Hoàng Kim Phụng	Nữ	10/08/1992	Hộ sinh hạng III	Khoa Sanh		Đại học	Điều dưỡng (chuyên ngành Hộ sinh)			91,5	91,5	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2	Lý Thị Cẩm Nhung	Nữ	07/09/1988	Hộ sinh hạng III	Khoa Sanh	4	Đại học	Điều dưỡng (chuyên ngành Hộ sinh)	Dân tộc thiểu số	5	84	89	Trúng tuyển	
3	Dương Huỳnh Anh	Nữ	20/07/1990	Hộ sinh hạng III	Khoa Sanh		Đại học	Điều dưỡng (chuyên ngành Hộ sinh)			86,5	86,5	Trúng tuyển	
4	Trương Thị Hồng Nhung	Nữ	01/04/1999	Hộ sinh hạng III	Khoa Sanh		Đại học	Điều dưỡng (chuyên ngành Hộ sinh)			73	73	Trúng tuyển	
5	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	02/04/1991	Hộ sinh hạng III	Khoa Sanh		Đại học	Điều dưỡng (chuyên ngành Hộ sinh)			25,5	25,5	Không trúng tuyển	
V	Nhóm chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng IV (V.08.06.16)					9								
	Khoa Gây mê hồi sức													
1	Nguyễn Thị Cẩm Hường	Nữ	30/06/1992	Hộ sinh hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	1	Cao đẳng	Hộ sinh			92,5	92,5	Trúng tuyển	
	Khoa Hậu phẫu - Hậu sản													
1	Nguyễn Thị Phương Quyên	Nữ	06/10/2003	Hộ sinh hạng IV	Khoa Hậu phẫu - Hậu sản	2	Cao đẳng	Hộ sinh			97,5	97,5	Trúng tuyển	
2	Huỳnh Hồng Diễm	Nữ	06/02/1991	Hộ sinh hạng IV	Khoa Hậu phẫu - Hậu sản		Cao đẳng	Hộ sinh			89,5	89,5	Trúng tuyển	
	Khoa Khám bệnh													

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Trà Thị Thúy An	Nữ	20/08/1992	Hộ sinh hạng IV	Khoa Khám bệnh	2	Cao đẳng	Hộ sinh	Dân tộc thiểu số	5	97,5	102,5	Trúng tuyển	
2	Đoàn Mỹ Ngân	Nữ	01/07/1986	Hộ sinh hạng IV	Khoa Khám bệnh		Cao đẳng	Hộ sinh			88	88	Trúng tuyển	
	Khoa Sanh													
1	Nguyễn Thị Thúy An	Nữ	13/02/1990	Hộ sinh hạng IV	Khoa Sanh	4	Cao đẳng	Hộ sinh			93,5	93,5	Trúng tuyển	
2	Triệu Thị Ngọc Vân	Nữ	10/12/1991	Hộ sinh hạng IV	Khoa Sanh		Cao đẳng	Hộ sinh	Dân tộc thiểu số	5	86,5	91,5	Trúng tuyển	
3	Thạch Trần Minh Diên	Nữ	21/12/1990	Hộ sinh hạng IV	Khoa Sanh		Cao đẳng	Hộ sinh	Dân tộc thiểu số	5	75	80	Trúng tuyển	
4	La Yến Oanh	Nữ	09/07/2003	Hộ sinh hạng IV	Khoa Sanh		Cao đẳng	Hộ sinh			77,5	77,5	Trúng tuyển	
VI	Nhóm chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)					20								
	Khoa Chẩn đoán hình ảnh													
1	Nguyễn Ngân Quỳnh	Nữ	27/10/2000	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật hình ảnh y học)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	4	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học			90	90	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Thị Minh Trúc	Nữ	29/09/2001	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật hình ảnh y học)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học			84,5	84,5	Trúng tuyển	
3	Lê Minh Hoàng	Nam	08/06/2000	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật hình ảnh y học)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học			82	82	Trúng tuyển	
4	Thạch Hữu Trí	Nam	30/09/2002	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật hình ảnh y học)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Dân tộc thiểu số	5	75,5	80,5	Trúng tuyển	
	Khoa Xét nghiệm													

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Trần Thị Mỹ Hương	Nữ	27/02/1990	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Sinh học	Dân tộc thiểu số	5	98,25	103,25	Trúng tuyển	
2	Trần Quốc Gia Huy	Nam	13/08/2000	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học	Dân tộc thiểu số	5	96,5	101,5	Trúng tuyển	
3	Hứa Thảo Linh	Nữ	01/08/2000	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			100	100	Trúng tuyển	
4	Huỳnh Thương Hoài	Nam	15/03/1999	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			98,5	98,5	Trúng tuyển	
5	Phạm Ngọc Mỹ	Nữ	19/10/2001	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			98,5	98,5	Trúng tuyển	
6	Lê Thị Quỳnh Như	Nữ	22/10/1999	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			98,25	98,25	Trúng tuyển	
7	Lâm Quang Vinh	Nam	02/02/2001	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học	Dân tộc thiểu số	5	92,25	97,25	Trúng tuyển	
8	Phan Nhật Thiên	Nam	05/05/2000	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			96,25	96,25	Trúng tuyển	
9	Thái Hoàng Minh	Nam	12/02/1994	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			95,25	95,25	Trúng tuyển	
10	Võ Phát Triển	Nam	05/05/1994	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			95,25	95,25	Trúng tuyển	
11	Phan Kim Ngân	Nữ	21/09/2000	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			95	95	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
12	Trần Phước Thiện	Nam	19/03/1985	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm	16	Đại học	Kỹ thuật XN Y học			95	95	Trúng tuyển	
13	Kiêm Hiếu Trung	Nam	17/04/1993	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học	Dân tộc thiểu số	5	89,5	94,5	Trúng tuyển	
14	Nguyễn Hữu Khương	Nam	25/09/1993	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			93,75	93,75	Trúng tuyển	
15	Nguyễn Thị Phương Danh	Nữ	24/07/1993	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			88,75	88,75	Trúng tuyển	
16	Trần Thị Cẩm Hiếu	Nữ	18/12/1995	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học	Dân tộc thiểu số	5	83	88	Trúng tuyển	
17	Nguyễn Phước Lành	Nữ	13/08/1997	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			82,75	82,75	Không trúng tuyển	
18	Nguyễn Thi	Nữ	09/10/2000	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			41	41	Không trúng tuyển	
19	Trần Thùy Trang	Nữ	17/07/2001	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			14	14	Không trúng tuyển	
20	Hồ Anh Khoa	Nam	03/06/2001	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Dân tộc thiểu số	5	4	9	Không trúng tuyển	
21	Lê Đình Tú	Nam	11/10/1997	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			Vắng	Vắng	Không trúng tuyển	
22	Trần Lê Ngọc Thu	Nữ	02/10/2001	Kỹ thuật Y hạng III (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm		Đại học	Kỹ thuật XN Y học			Vắng	Vắng	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
VII	Nhóm chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y hạng IV (V.08.07.19)					4								
	Khoa Chẩn đoán hình ảnh													
1	Trần Minh Thủ	Nam	14/11/1993	Kỹ thuật Y hạng IV (Kỹ thuật hình ảnh y học)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	2	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học			88	88	Trúng tuyển	
2	Mã Thanh Hoàng	Nam	07/02/1992	Kỹ thuật Y hạng IV (Kỹ thuật hình ảnh y học)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học			70	70	Trúng tuyển	
	Khoa Xét nghiệm													
1	Trần Kim Kiều Ngân	Nữ	12/11/2000	Kỹ thuật Y hạng IV (Kỹ thuật xét nghiệm y học)	Khoa Xét nghiệm	1	Cao đẳng	Kỹ thuật XN Y học			94,5	94,5	Trúng tuyển	
	Khoa Khám bệnh													
1	Phạm Thị Cẩm Dung	Nữ	16/10/1997	Kỹ thuật Y hạng IV (Kỹ thuật phục hồi chức năng)	Khoa Khám bệnh	1	Cao đẳng	Kỹ thuật PHCN			89,5	89,5	Trúng tuyển	
VIII	Nhóm chức danh nghề nghiệp Dược sĩ hạng III (V.08.08.22)					10								
1	Võ Thị Thu Hà	Nữ	11/06/1999	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			97,5	97,5	Trúng tuyển	
2	Ngô Thanh Ngân	Nữ	10/01/1993	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			97,5	97,5	Trúng tuyển	
3	Thái Dương	Nam	20/05/1993	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			97	97	Trúng tuyển	
4	Từ Khánh An	Nam	22/08/1998	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược	Dân tộc thiểu số	5	91,5	96,5	Trúng tuyển	
5	Trần Trung Nhân	Nam	25/11/1993	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			94	94	Trúng tuyển	
6	Võ Thị Diễm	Nữ	10/01/1991	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			91,5	91,5	Trúng tuyển	
7	Trương Ngọc Trúc	Nữ	26/01/1994	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			89,5	89,5	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
8	Kha Hiếu Sơn	Nam	28/10/1986	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	10	Đại học	Dược			89	89	Trúng tuyển	
9	Nguyễn Như Tâm	Nữ	01/03/1995	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			88,5	88,5	Trúng tuyển	
10	Hồ Diệp Thúy Vy	Nữ	02/04/1994	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			86	86	Trúng tuyển	
11	Lê Tuấn Thành	Nam	13/04/1986	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			67	67	Không trúng tuyển	
12	Trần Huỳnh Đình Long	Nam	25/10/2000	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			62,5	62,5	Không trúng tuyển	
13	Trương Huệ Lâm	Nam	01/04/1995	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			42,25	42,25	Không trúng tuyển	
14	Lê Thị Thùy Trang	Nữ	06/01/1996	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			41,5	41,5	Không trúng tuyển	
15	Dương Thị Diễm	Nữ	16/07/1997	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			40	40	Không trúng tuyển	
16	Hồ Đăng Chi	Nữ	07/08/1996	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			34,5	34,5	Không trúng tuyển	
17	Lê Thị Cẩm Hường	Nữ	03/03/1998	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			25,75	25,75	Không trúng tuyển	
18	Phạm Hồng Giàu	Nữ	16/03/1994	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Đại học	Dược			17,5	17,5	Không trúng tuyển	
IX	Nhóm chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV (V.08.08.23)					2								
1	Khuru Thị Tuyết Vân	Nữ	08/10/1985	Dược hạng IV	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Cao đẳng	Dược	Dân tộc thiểu số	5	88,5	93,5	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2	Ngô Thị Cẩm Trinh	Nữ	01/01/1990	Dược hạng IV	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	2	Cao đẳng	Dược			89,5	89,5	Trúng tuyển	
3	Thạch Thị Ngọc Hiền	Nữ	24/05/1997	Dược hạng IV	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Cao đẳng	Dược	Dân tộc thiểu số	5	67,5	72,5	Không trúng tuyển	
4	Quách Thị Diễm Trinh	Nữ	03/01/1997	Dược hạng IV	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		Cao đẳng	Dược			62,5	62,5	Không trúng tuyển	
X	Nhóm chức danh nghề nghiệp Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)					1								
1	Kiên Thị Đào Hoa	Nữ	25/01/2001	Kỹ sư (hạng III)	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	1	Đại học	Kỹ thuật Y sinh	Dân tộc thiểu số	5	95	100	Trúng tuyển	
XI	Nhóm chức danh nghề nghiệp Công tác xã hội viên (V.09.04.02)					2								
1	Lê Trọng Nhân	Nam	26/10/1985	Công tác xã hội viên	Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện - Công tác xã hội - Chăm sóc khách hàng	2	Đại học	Công tác xã hội và phát triển cộng đồng			98,5	98,5	Trúng tuyển	
2	Phạm Hồng Nhung	Nữ	21/12/1999	Công tác xã hội viên	Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện - Công tác xã hội - Chăm sóc khách hàng		Đại học	Xã hội học			98,5	98,5	Trúng tuyển	
3	Bành Phước Lân	Nam	07/08/1985	Công tác xã hội viên	Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện - Công tác xã hội - Chăm sóc khách hàng		Đại học	Xã hội học			84,5	84,5	Không trúng tuyển	
4	Võ Thị Yến Thi	Nữ	15/01/2002	Công tác xã hội viên	Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện - Công tác xã hội - Chăm sóc khách hàng		Đại học	Xã hội học			72	72	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
5	Phan Như Huỳnh	Nữ	01/01/2002	Công tác xã hội viên	Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện - Công tác xã hội - Chăm sóc khách hàng		Đại học	Xã hội học			71	71	Không trúng tuyển	
6	Hoa Thiên Lý	Nữ	15/09/1992	Công tác xã hội viên	Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện - Công tác xã hội - Chăm sóc khách hàng		Đại học	Luật			24,5	24,5	Không trúng tuyển	
7	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	23/02/1985	Công tác xã hội viên	Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện - Công tác xã hội - Chăm sóc khách hàng		Đại học	Công tác xã hội và phát triển cộng đồng			Vắng	Vắng	Không trúng tuyển	
XII	Nhóm chức danh nghề nghiệp nhân viên công tác xã hội (V.09.04.03)					1								
1	Huỳnh Thị Ngọc Uyển	Nữ	14/03/1995	Nhân viên công tác xã hội	Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện - Công tác xã hội - Chăm sóc khách hàng		Cao đẳng	Công tác xã hội			97	97	Trúng tuyển	
XIII	Nhóm chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III (V.11.06.14)					5								
1	Nguyễn Long Phi	Nam	11/09/1993	Công nghệ thông tin Hạng III	Phòng Công nghệ thông tin	5	Đại học	CNTT			96,375	96,375	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Nhật Trường	Nam	23/09/1988	Công nghệ thông tin Hạng III	Phòng Công nghệ thông tin		Đại học	Hệ thống thông tin			91,75	91,75	Trúng tuyển	
3	Châu Nhựt Trọng	Nam	01/12/1998	Công nghệ thông tin Hạng III	Phòng Công nghệ thông tin		Đại học	CNTT			88,125	88,125	Trúng tuyển	
4	Bành Phước Trung	Nam	09/11/1997	Công nghệ thông tin Hạng III	Phòng Công nghệ thông tin		Đại học	CNTT			87,25	87,25	Trúng tuyển	
5	Lê Nhựt Trung	Nam	01/01/1989	Công nghệ thông tin Hạng III	Phòng Công nghệ thông tin		Đại học	CNTT			77	77	Trúng tuyển	
6	Quách Phú Quý	Nam	07/10/1999	Công nghệ thông tin Hạng III	Phòng Công nghệ thông tin		Đại học	CNTT	Dân tộc thiểu số	5	25	30	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đổi tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
7	Vương Thanh Lâm	Nam	28/01/1989	Công nghệ thông tin Hạng III	Phòng Công nghệ thông tin		Đại học	CNTT			23,125	23,125	Không trúng tuyển	
8	Trần Tuấn Thanh	Nam	13/07/2002	Công nghệ thông tin Hạng III	Phòng Công nghệ thông tin		Đại học	CNTT			21	21	Không trúng tuyển	
9	Nguyễn Duy Khánh	Nam	12/02/1990	Công nghệ thông tin Hạng III	Phòng Công nghệ thông tin		Đại học	Lập trình viên quốc tế			14,875	14,875	Không trúng tuyển	
10	Đỗ Hoàng Nam	Nam	03/11/2002	Công nghệ thông tin Hạng III	Phòng Công nghệ thông tin		Đại học	Kỹ sư phần mềm	Dân tộc thiểu số	5	4	9	Không trúng tuyển	
XIV	Nhóm chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng IV (V.11.06.15)					1								
1	Nguyễn Hải Dương	Nam	27/04/2000	Công nghệ thông tin hạng IV	Phòng Công nghệ thông tin	1	Cao đẳng	Thiết kế trang Web			91,625	91,625	Trúng tuyển	
2	Châu Tấn Nguyên	Nam	10/06/2000	Công nghệ thông tin hạng IV	Phòng Công nghệ thông tin		Cao đẳng	An ninh mạng			14,375	14,375	Không trúng tuyển	
XV	Nhóm chức danh nghề nghiệp Chuyên viên(01.003)					14								
	Phòng Tổ chức - Hành chính													
	Chuyên viên về hành chính - văn phòng (01.003)													
1	Phan Mỹ Ngọc	Nữ	20/06/1987	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính		Thạc sĩ	Khoa học và quản lý môi trường			82,75	82,75	Trúng tuyển	
2	Lê Thành Nga	Nam	23/05/1988	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính		Đại học	Kế toán	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	41,25	43,75	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
3	Lê Ngọc Bích	Nữ	25/04/1985	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính	2	Đại học	Tài chính ngân hàng			12,5	12,5	Không trúng tuyển	
4	Lý Xuân Nhãn	Nữ	18/12/1995	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính		Đại học	Luật	Dân tộc thiểu số	5	7,5	12,5	Không trúng tuyển	
5	Hứa Khả Phiêu	Nam	19/06/2002	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính		Đại học	Quản lý nhà nước	Dân tộc thiểu số	5	Vắng	Vắng	Không trúng tuyển	
	Chuyên viên về pháp chế (01.003)													
1	Phạm Đông Hồ	Nam	09/10/1987	Chuyên viên về pháp chế	Phòng Tổ chức - Hành chính	1	Đại học	Luật	Hoàn thành nghĩa vụ công an nhân dân	2,5	92,25	94,75	Trúng tuyển	
2	Huỳnh Tăng Ngọc Phượng	Nữ	31/07/2000	Chuyên viên về pháp chế	Phòng Tổ chức - Hành chính		Đại học	Luật			Vắng	Vắng	Không trúng tuyển	
	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực (01.003)													
1	Nguyễn Long Hồ	Nam	02/09/1990	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Phòng Tổ chức - Hành chính		Đại học	Kế toán	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	75	77,5	Trúng tuyển	
2	Võ Chí Nguyễn	Nam	13/05/2003	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Phòng Tổ chức - Hành chính		Đại học	Quản lý nhà nước			65,5	65,5	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
3	Nguyễn Hồng Nga	Nữ	19/05/1983	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Phòng Tổ chức - Hành chính	1	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Con thương binh, Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	5	58,75	63,75	Không trúng tuyển	
4	Trần Hữu Nghĩa	Nam	23/09/1987	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Phòng Tổ chức - Hành chính		Thạc sĩ	Luật			52,25	52,25	Không trúng tuyển	
5	Huỳnh Trần Thanh Trúc	Nữ	10/05/1984	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Phòng Tổ chức - Hành chính		Thạc sĩ	Luật kinh tế			Vắng	Vắng	Không trúng tuyển	
	Phòng Tài chính - Kế toán													
	Chuyên viên về tài chính (01.003)													
1	Nguyễn Thị Ánh Thu	Nữ	07/03/1985	Chuyên viên về tài chính	Phòng Tài chính - Kế toán	1	Đại học	Kế toán			98,5	98,5	Trúng tuyển	
	Chuyên viên về thống kê (01.003)													
1	Lê Thị Chúc Ly	Nữ	20/10/1992	Chuyên viên về thống kê	Phòng Tài chính - Kế toán	1	Đại học	Kế toán			69,5	69,5	Trúng tuyển	
	Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện - Công tác xã hội - Chăm sóc khách hàng													
	Chuyên viên về tổng hợp (01.003)													
1	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	23/10/1993	Chuyên viên về tổng hợp	Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện - Công tác xã hội - Chăm sóc khách hàng		Đại học	Dược			99	99	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2	Võ Cúc Uyên	Nữ	08/10/1998	Chuyên viên về tổng hợp	Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện - Công tác xã hội - Chăm sóc khách hàng	4	Đại học	Dược			98,5	98,5	Trúng tuyển	
3	Hà Như Ngọc	Nữ	24/01/1991	Chuyên viên về tổng hợp	Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện - Công tác xã hội - Chăm sóc khách hàng		Đại học	Dược			93,5	93,5	Trúng tuyển	
4	Phạm Quỳnh Như	Nữ	03/04/1999	Chuyên viên về tổng hợp	Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện - Công tác xã hội - Chăm sóc khách hàng		Đại học	Dược			74,5	74,5	Trúng tuyển	
	Phòng kế hoạch tổng hợp - Đào tạo - Chỉ đạo tuyển													
	Chuyên viên về tổng hợp (01.003)													
1	Châu Thanh Huyền	Nữ	14/07/1998	Chuyên viên về tổng hợp	Phòng Kế hoạch tổng hợp Đào tạo - Chỉ đạo tuyển	4	Đại học	Y tế công cộng	Dân tộc thiểu số	5	90	95	Trúng tuyển	
2	Trần Hoàng Phong	Nam	12/07/1998	Chuyên viên về tổng hợp	Phòng Kế hoạch tổng hợp Đào tạo - Chỉ đạo tuyển		Đại học	Y tế công cộng	Dân tộc thiểu số	5	89,5	94,5	Trúng tuyển	
3	Lý Phi Hưng	Nam	16/01/2000	Chuyên viên về tổng hợp	Phòng Kế hoạch tổng hợp Đào tạo - Chỉ đạo tuyển		Đại học	Bác sĩ y học dự phòng			90	90	Trúng tuyển	
4	Nguyễn Chí Nghĩa	Nam	08/12/2002	Chuyên viên về tổng hợp	Phòng Kế hoạch tổng hợp Đào tạo - Chỉ đạo tuyển		Đại học	Y tế công cộng			89,5	89,5	Trúng tuyển	
5	Hồ Gia Hào	Nam	05/01/1997	Chuyên viên về tổng hợp	Phòng Kế hoạch tổng hợp Đào tạo - Chỉ đạo tuyển		Đại học	Bác sĩ y học dự phòng	Dân tộc thiểu số	5	69	74	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
XVI	Nhóm chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên (V.01.02.02)					1								
1	Triệu Minh Trí	Nam	01/01/1989	Lưu trữ viên	Phòng Kế hoạch tổng hợp - Đào tạo - Chỉ đạo tuyển	1	Đại học	Kinh doanh xuất bản nhân	Dân tộc thiểu số	5	76	81	Trúng tuyển	
2	Trần Yến Ngọc	Nữ	26/02/2002	Lưu trữ viên	Phòng Kế hoạch tổng hợp - Đào tạo - Chỉ đạo tuyển		Đại học	Quản trị văn phòng			70	70	Không trúng tuyển	
XVII	Nhóm chức danh nghề nghiệp Kế toán viên hạng III (V.06.031)					9								
1	Đặng Thị Phương Loan	Nữ	22/03/1985	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính - Kế toán	9	Đại học	Kế toán			99,75	99,75	Trúng tuyển	
2	Thạch Thu Thảo	Nữ	13/01/1994	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính - Kế toán		Đại học	Kế toán	Dân tộc thiểu số	5	93,75	98,75	Trúng tuyển	
3	Lý Thái Long	Nam	06/02/1989	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính - Kế toán		Đại học	Kế toán			97,25	97,25	Trúng tuyển	
4	Trần Bích Trâm	Nữ	21/07/1993	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính - Kế toán		Đại học	Kế toán			97	97	Trúng tuyển	
5	Nguyễn Hoàng Khanh	Nam	12/11/1989	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính - Kế toán		Đại học	Kế toán			96,5	96,5	Trúng tuyển	
6	Trịnh Thị Đình Đình	Nữ	30/04/1993	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính - Kế toán		Đại học	Kế toán	Dân tộc thiểu số	5	88,5	93,5	Trúng tuyển	
7	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	26/02/1993	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính - Kế toán		Đại học	Kế toán			89,5	89,5	Trúng tuyển	
8	Diệp Long Hải	Nam	17/02/1991	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính - Kế toán		Đại học	Kế toán			84,5	84,5	Trúng tuyển	
9	Vương Tấn Tài	Nam	20/07/1987	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính - Kế toán		Đại học	Kế toán			83,75	83,75	Trúng tuyển	
10	Trần Anh Thư	Nữ	10/08/2000	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính - Kế toán		Đại học	Kiểm toán			76,75	76,75	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đăng ký dự tuyển		Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn được đào tạo		Đối tượng ưu tiên (Nếu có)	Điểm ưu tiên	Điểm chính thức vòng 2	Tổng điểm (11+12)	Kết quả	Ghi chú
				Vị trí dự tuyển	Khoa phòng		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
11	Võ Thị Bé	Nữ	20/11/1986	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính - Kế toán		Đại học	Kế toán			58,5	58,5	Không trúng tuyển	
12	Võ Thị Thùy Dương	Nữ	31/01/2000	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính - Kế toán		Đại học	Kế toán			51,25	51,25	Không trúng tuyển	
13	Đặng Hoài Hận	Nam	20/10/1988	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính - Kế toán		Đại học	Kế toán			50	50	Không trúng tuyển	
14	Diệp Dương Phương Thảo	Nữ	12/11/1996	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính - Kế toán		Đại học	Kiểm toán			22	22	Không trúng tuyển	
XVIII	Nhóm chức danh nghề nghiệp Kế toán viên trung cấp (Hạng IV) (V.06.031)					1								
1	Huỳnh Trung Thông	Nam	28/09/2000	Kế toán viên trung cấp (hạng IV)	Phòng Tài chính - Kế toán	1	Cao đẳng	Kế toán	Dân tộc thiểu số	5	84,25	89,25	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	12/07/1982	Kế toán viên trung cấp (hạng IV)	Phòng Tài chính - Kế toán		Đại học	Kế toán			17	17	Không trúng tuyển	
						231								